

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ số 01/2005/TT-NHNN**  
ngày 10/3/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 202/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 12 năm 2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2003 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 202/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 12 năm 2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng;*

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 202/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 12 năm 2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 202/2004/NĐ-CP) như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG; THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH; VIỆC ÁP DỤNG CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**1. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng**

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP được áp dụng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng như sau:

1.1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi thẩm quyền của mình quyết định các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

1.2. Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực:

- Vi phạm nhiều lần trong cùng lĩnh vực là hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã vi phạm nhưng chưa bị xử phạt và chưa hết thời hiệu xử phạt;

- Tái phạm là hành vi vi phạm hành chính mà trước đó đã bị xử phạt nhưng chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà lại vi phạm hành chính về hành vi đó.

**2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

Chỉ những người có thẩm quyền xử

phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP mới có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Đối với Đoàn thanh tra: trong quá trình thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong Đoàn thanh tra phải ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP. Nếu các thành viên trong Đoàn không có thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt thì Trưởng Đoàn thanh tra phải hoàn tất hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính để gửi đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP.

### **3. Áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính**

3.1. Người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 6, các quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức phạt tại Chương II Nghị định số 202/2004/NĐ-CP để quyết định việc áp dụng hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với mức độ, tính chất của hành vi vi phạm.

3.2. Có 2 hình thức xử phạt chính quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP là phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính chỉ áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính, không áp dụng cả hai hình thức xử phạt chính đối với một hành vi vi phạm.

### **4. Hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức phạt**

Nghị định số 202/2004/NĐ-CP, từ Điều 8 đến Điều 36 quy định 9 nhóm hành vi, mỗi nhóm có một số hành vi vi phạm cụ thể. Khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, người có thẩm quyền xử phạt căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành: Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan để xác định các dấu hiệu cấu thành, tính chất và mức độ của hành vi vi phạm hành chính.

### **5. Vi phạm hành chính về kế toán, thống kê**

Việc xử phạt vi phạm hành chính về kế toán, thống kê trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 185/2004/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2004 về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực kế toán; Nghị định số 93/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê cùng với các văn bản hướng dẫn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê.

Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện có hành vi vi phạm hành chính về kế toán, thống kê, Trưởng Đoàn thanh tra phải báo cho Thanh tra chuyên ngành Tài chính biết để xử phạt theo thẩm quyền.

## 6. Trường hợp ngoại trừ

Quy định tại Điều 23 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP không áp dụng đối với trường hợp bán tài sản trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Quy định tại các điểm a, c Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP không áp dụng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng.

## II. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Khi xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Chương III Nghị định số 202/2004/NĐ-CP và Chương IV Nghị định của Chính phủ số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy

định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

### 1. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tố tụng hình sự có thẩm quyền theo quy định tại Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

### 2. Nhận lại hồ sơ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính

Những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã chuyển sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt đối với vụ vi phạm trong thời hạn như sau:

2.1. Nếu trước khi chuyển vụ việc vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự mà người có thẩm quyền xử

phạt đã xin gia hạn thời hạn xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trả lại hồ sơ vụ vi phạm;

2.2. Nếu trước khi chuyển vụ việc vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự mà người có thẩm quyền xử phạt chưa xin gia hạn thời hạn xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trả lại hồ sơ vụ vi phạm;

Trường hợp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người đang thụ lý vụ việc vi phạm có thể xin gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa không quá 30 ngày.

2.3. Sau khi xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 202/2004/NĐ-CP, người có thẩm quyền nêu tại Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biết.

### **3. Xử lý vi phạm hành chính do các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật chuyển đến**

3.1. Trường hợp các vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật chuyển đến, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu về vụ vi phạm hành chính;

b) Xem xét; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 202/2004/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ về vụ vi phạm hành chính, qua xem xét nếu thấy tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ chưa đủ căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản nêu rõ lý do và yêu cầu người lập biên bản về việc vi phạm hành chính bổ sung thêm chứng cứ chứng minh hành vi vi phạm; trường hợp cần thiết thì trực tiếp thẩm tra, xác minh. Nếu cơ quan lập biên bản xử phạt không cung cấp đủ tài liệu chứng cứ hoặc qua thẩm tra, xác minh thấy không đủ căn cứ chứng minh hành vi vi phạm hành chính thì không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển trả hồ sơ, tài liệu cho cơ quan lập biên bản về việc vi phạm hành chính;

d) Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện các quy định nêu tại các tiết a, b, c điểm 3.1 Khoản 3

Mục này, sau đó có ý kiến đề xuất xử lý vi phạm hành chính bằng văn bản nêu rõ hành vi, đề nghị mức xử phạt, căn cứ áp dụng kèm toàn bộ hồ sơ vi phạm hành chính, biên bản vi phạm hành chính (bản gốc) về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) để xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2. Xử lý đối với những trường hợp biên bản vi phạm hành chính lập không đúng quy định của pháp luật

Trường hợp hồ sơ vi phạm hành chính do cơ quan khác chuyển đến không đúng thủ tục theo quy định tại Nghị định số 202/2004/NĐ-CP; nội dung biên bản không đúng theo quy định tại Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, mà chuyển trả cơ quan lập biên bản vi phạm hành chính để yêu cầu bổ sung đầy đủ, đúng quy định.

3.3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm hành chính do các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương chuyển đến; những hành vi vi phạm hành chính do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển lên.

#### 4. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính có kèm theo việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, nhưng vượt thẩm quyền xử phạt của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đến khi thực hiện xong quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

#### 5. Sử dụng mẫu biên bản và quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Biên bản vi phạm hành chính; biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các biên bản, quyết định liên quan khác được thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 134/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

#### 6. Sử dụng con dấu đóng trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính

6.1. Quyết định xử phạt của Chánh Thanh tra (Phó Chánh Thanh tra được ủy quyền) được đóng dấu lên chữ ký; quyết định xử phạt của Thanh tra viên được đóng dấu lên góc trái tại phần trên cùng của quyết định nơi ghi tên cơ quan xử phạt và số, ký hiệu của quyết định xử phạt.

6.2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng quy định tại Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP được sử dụng con dấu của cơ quan mình đóng dấu trên quyết định xử phạt.

### **7. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính**

7.1. Sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền của Thanh tra Ngân hàng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP phải bàn giao hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính cho Thanh tra Ngân hàng cùng cấp.

7.2. Sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP phải bàn giao hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính cho bộ phận chuyên trách quản lý về xử phạt tại cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

7.3. Hồ sơ gồm:

- Biên bản về việc vi phạm hành chính

trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng;

- Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng;

- Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có);

- Các hồ sơ tài liệu có liên quan đến hành vi vi phạm hành chính.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước** tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị, cá nhân trong hệ thống Thanh tra Ngân hàng nắm vững và thực hiện nghiêm túc việc xử phạt vi phạm hành chính.

**2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:**

2.1. Thường xuyên kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình; kịp thời xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại các Điều 50, 51, 52 Nghị định số 202/2004/NĐ-CP.

2.2. Theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng do Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước ban hành để xử phạt đối

với đối tượng vi phạm hành chính ghi trong quyết định thuộc địa bàn quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đó; đồng thời báo cáo Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước kết quả việc thực hiện.

#### IV. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế

Thông tư số 09/2000/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 29 tháng 8 năm 2000 hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ số 20/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2000 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị cần kịp thời phản ánh về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Thanh tra Ngân hàng Nhà nước) để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC

*Phó Thống đốc*

**Trần Minh Tuấn**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 08044417

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@yahoo.com

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**